

Số 204./CV-HĐQT
V/v giải trình kết quả hoạt động
kinh doanh năm 2022

Hà Nội, ngày 13 tháng 03 năm 2023

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin gửi lời chào trân trọng tới Quý Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco xin giải trình số liệu chênh lệch Báo cáo tài chính Tổng hợp và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 so với năm 2021 như sau:

1. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Tổng hợp đã kiểm toán năm 2022 và năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 đã kiểm toán	Năm 2021 đã kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	1.057.010.293.731	940.590.539.710	116.419.754.021	12,4%
2	Giá vốn hàng bán	821.573.652.432	765.666.765.074	55.906.887.358	7,3%
3	Lợi nhuận gộp	235.436.641.299	174.923.774.636	60.512.866.663	34,6%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4.819.300.844	11.079.339.105	(6.260.038.261)	-56,5%
5	Chi phí Tài chính	37.581.591.849	35.127.031.938	2.454.559.911	7,0%
6	Chi phí Bán hàng	6.097.006.420	7.524.605.193	(1.427.598.773)	-19,0%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	117.023.939.877	107.431.330.261	9.592.609.616	8,9%
8	Lợi nhuận khác	(2.685.867.572)	(654.311.033)	(2.031.556.539)	-310,5%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.700.167.110	7.912.504.974	8.787.662.136	111,1%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.167.369.315	27.353.330.342	32.814.038.973	120,0%



2. Số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trên Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 và năm 2021:

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022 đã kiểm toán	Năm 2021 đã kiểm toán	Chênh lệch	
				Số tiền	%
1	Doanh thu thuần	1.057.010.293.731	940.590.539.710	116.419.754.021	12,4%
2	Giá vốn hàng bán	821.573.652.432	765.666.765.074	55.906.887.358	7,3%
3	Lợi nhuận gộp	235.436.641.299	174.923.774.636	60.512.866.663	34,6%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4.819.303.287	11.079.348.161	(6.260.044.874)	-56,5%
5	Chi phí Tài chính	37.526.716.377	34.843.134.902	2.683.581.475	7,7%
6	Chi phí Bán hàng	6.097.006.420	7.524.605.193	(1.427.598.773)	-19,0%
7	Chi phí quản lý Doanh nghiệp	117.043.656.827	107.306.989.096	9.736.667.731	9,1%
8	Lợi nhuận khác	(2.685.867.572)	(654.311.033)	(2.031.556.539)	-310,5%
9	Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.700.167.110	7.912.504.974	8.787.662.136	111,1%
10	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60.191.555.186	27.669.237.590	32.522.317.596	117,5%

Lợi nhuận sau thuế TNDN trên báo cáo Tổng hợp và Hợp nhất đã kiểm toán năm 2022 tăng so với năm 2021 nguyên nhân chủ yếu là:

- Do đẩy mạnh hoạt động kinh doanh từ đó doanh thu bán hàng năm 2022 tăng 12,4% trong khi giá vốn tăng 7,3% so với năm 2021 dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 34,6%.

Chúng tôi xin cam kết những thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HC.

Đại diện tổ chức

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Hà